

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**1. Thông tin chung về học phần**

- Tên học phần : **GIAO TIẾP KINH DOANH (TIẾNG TRUNG)
(BUSSINESS CHINESE)**
- Mã số học phần : **1922042**
- Số tín chỉ học phần : 2 tín chỉ
- Thuộc chương trình đào tạo của bậc, ngành: Đại học, Ngôn ngữ Trung Quốc
- Số tiết học phần :
 - Nghe giảng lý thuyết : 15 tiết
 - Thực hành : 15 tiết
 - Tự học : 60 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: TBM chuyên ngành tiếng Trung (đại học) - KNN

2. Học phần trước: Nghiệp vụ văn phòng; Nói trước công chúng (tiếng Trung); Đọc hiểu báo chí; Viết tiếng Trung 2; Tiếng Trung chuyên ngành; Nghe ghi chú;

3. Mục tiêu của học phần:

Sau khi hoàn tất học phần, SV biết vận dụng các mẫu câu phức hợp, tích hợp các điểm ngữ pháp cùng với việc chuyển đổi từ ngôn ngữ giao tiếp sang ngôn ngữ giao tiếp chuyên ngành tiếng Trung để thực hiện việc biểu đạt, giao tiếp theo tình huống trong kinh thương; Biết cách chuyển đổi kiến thức ngôn ngữ giao tiếp sang ngôn ngữ văn bản; Biết sử dụng các thuật ngữ chuyên ngành vào giao tiếp trong tiếng Trung chuyên ngành và tiếng Việt tương ứng.

4. Chuẩn đầu ra:

	Nội dung	Đáp ứng CĐR CTĐT
Kiến thức	4.1.1 Giao tiếp bằng ngôn ngữ tiếng Trung	GLO8, PLO-K2
	4.1.2 Hiểu về xã hội Trung Quốc qua ngôn ngữ khẩu ngữ trong đời sống và chuyên ngành kinh thương	PLO-K1, PLO-K5
	4.1.3 Phân tích sự tương đồng, khác nhau giữa ngôn ngữ khẩu ngữ và khẩu ngữ kinh thương trong tiếng Trung & tiếng Việt	PLO-K4, PLO-K5
	4.1.4 Phân tích sự tương đồng, khác nhau giữa ngôn ngữ khẩu ngữ và ngôn ngữ viết	PLO-K1
	4.1.5 Sử dụng ngôn ngữ, thuật ngữ chuyên ngành để đọc hiểu, giao tiếp và viết đúng theo yêu cầu	PLO-K3, PLO-K7, PLO-K2
	4.1.6 Biết phân biệt cách thức và nội dung từng	PLO-K6, PLO-K7,

	tình huống giao tiếp	PLO-K2
Kỹ năng	4.2.1 Biết vận dụng ngôn ngữ nói, viết và ngôn ngữ chuyên ngành trong đời sống, giao tiếp và trong môi trường làm việc	PLO-S3, PLO-S7, PLO-S2
	4.2.2 Sử dụng chính xác cách dùng từ vựng, thuật ngữ chuyên ngành để giao tiếp theo yêu cầu	PLO-S8, PLO-S3
	4.2.3 Có kỹ năng đọc hiểu và diễn giải bằng ngôn ngữ nói, viết	PLO-S3, PLO-S8
	4.2.4 Biết phân biệt, phân tích, tổng hợp tình huống trong kinh thương	PLO-S3, PLO-S6, PLO-S7, PLO-S8, PLO-S9
Thái độ	4.3.1 Biết tổ chức việc học và tự học	GLO-S5
	4.3.2 Phát triển khả năng học nhằm nâng cao khả năng giao tiếp, viết - đọc hiểu tiếng Trung và tiếng Trung chuyên ngành	PLO-A5
	4.3.3 Linh hoạt tích cực làm việc trong mọi điều kiện	PLO-A6, PLO-A4, PLO-A5, PLO-A2

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

- G giới thiệu các tình huống, lĩnh vực trong giao tiếp kinh thương cùng với các thuật ngữ kinh thương. Cấu trúc giáo trình bao gồm: 2-3 đối thoại tình huống; từ vựng – thuật ngữ chuyên ngành; mẫu câu; bài tập thực hành theo tình huống; từ vựng mở rộng; các thể loại văn bản thương mại thường dùng trong lĩnh vực; bài nghe tổng hợp...

6. Nội dung và lịch trình giảng dạy:

- Các học phần lý thuyết và thực hành

Buổi Tiết	Nội dung	Hoạt động GV	Hoạt động SV	Ghi chú
1 (2 tiết)	第一课 —— 欢迎宴会			4.1.1,
	Quy tắc về tiếng Trung chuyên ngành kinh thương	- Giảng giải cách thức và các quy tắc	- Ghi chép	4.1.2,
	在宴会上	- Giảng giải - Phân tích	- Ghi chép, tổng hợp nội dung - Thực hành	4.1.3, 4.1.4, 4.1.5, 4.1.6, 4.2.1,
	学一学 / 练一练	- Hướng dẫn, diễn giải và phân tích	- Ghi chép - Thực hiện bài tập	4.2.2, 4.2.3,
2 (2 tiết)	在宴会上的欢迎辞	- Giảng giải - Phân tích	- Ghi chép, tổng hợp nội dung - Thực hành	4.2.4, 4.3.1, 4.3.2, 4.3.3
	学一学 / 练一练	- Hướng dẫn, diễn giải và phân tích	- Ghi chép - Thực hiện bài tập	
3				4.1.1,

(2 tiết)	在工业园区	- Giảng giải - Phân tích	- Ghi chép, tổng hợp nội dung - Thực hành	4.1.2, 4.1.3, 4.1.4, 4.1.5, 4.1.6, 4.2.1, 4.2.2, 4.2.3, 4.2.4, 4.3.1, 4.3.2, 4.3.3
	学一学 / 练一练	- Hướng dẫn, diễn giải và phân tích	- Ghi chép - Thực hiện bài tập	
4 (2 tiết)	市场调查	- Giảng giải - Phân tích	- Ghi chép, tổng hợp nội dung - Thực hành	
	学一学 / 练一练	- Hướng dẫn, diễn giải và phân tích	- Ghi chép - Thực hiện bài tập	
5 (2 tiết)	投资环境	- Giảng giải - Phân tích	- Ghi chép, tổng hợp nội dung - Thực hành	
	学一学 / 练一练	- Hướng dẫn, diễn giải và phân tích	- Ghi chép - Thực hiện bài tập	
6 (2 tiết)	第三课 —— 贸易谈判			
	报价	- Giảng giải - Phân tích	- Ghi chép, tổng hợp nội dung - Thực hành	
	学一学 / 练一练	- Hướng dẫn, diễn giải và phân tích	- Ghi chép - Thực hiện bài tập	
7 (2 tiết)	价格谈判	- Giảng giải - Phân tích	- Ghi chép, tổng hợp nội dung - Thực hành	
	学一学 / 练一练	- Hướng dẫn, diễn giải và phân tích	- Ghi chép - Thực hiện bài tập	
8 (2 tiết)	签订合同	- Giảng giải - Phân tích	- Ghi chép, tổng hợp nội dung - Thực hành	
	学一学 / 练一练	- Hướng dẫn, diễn giải và phân tích	- Ghi chép - Thực hiện bài tập	
9 (2 tiết)	复习 期间口试	- Hướng dẫn, diễn giải và phân tích	- Ghi chép, tổng hợp - Thực hành - Thực hiện bài kiểm tra quá trình	
10 (2 tiết)	第四课 —— 运输保险			
	货物包装	- Giảng giải - Phân tích	- Ghi chép, tổng hợp nội dung - Thực hành	
	学一学 / 练一练	- Hướng dẫn, diễn giải và phân tích	- Ghi chép - Thực hiện bài tập	
11 (2 tiết)	货物运输	- Giảng giải - Phân tích	- Ghi chép, tổng hợp nội dung - Thực hành	
	学一学 / 练一练	- Hướng dẫn, diễn giải và phân tích	- Ghi chép - Thực hiện bài tập	

12 (2 tiết)	财产保险	- Giảng giải - Phân tích	- Ghi chép, tổng hợp nội dung - Thực hành	
	学一学 / 练一练	- Hướng dẫn, diễn giải và phân tích	- Ghi chép - Thực hiện bài tập	
13 (2 tiết)	第六课 —— 海关商检			4.1.1,
	在海关	- Giảng giải - Phân tích	- Ghi chép, tổng hợp nội dung - Thực hành	4.1.2, 4.1.3, 4.1.4, 4.1.5,
	学一学 / 练一练	- Hướng dẫn, diễn giải và phân tích	- Ghi chép - Thực hiện bài tập	4.1.6, 4.2.1,
14 (2 tiết)	商检	- Giảng giải - Phân tích	- Ghi chép, tổng hợp nội dung - Thực hành	4.2.2, 4.2.3, 4.2.4,
	学一学 / 练一练	- Hướng dẫn, diễn giải và phân tích	- Ghi chép - Thực hiện bài tập	4.3.1, 4.3.2, 4.3.3
15 (2 tiết)	复习 期间口试	- Hướng dẫn, diễn giải và phân tích	- Ghi chép, tổng hợp - Thực hành - Thực hiện bài kiểm tra quá trình	

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Làm bài tập trên lớp và bài tự học ở nhà đầy đủ thông qua hình thức nộp bài, thuyết trình trước lớp, bài tập online...
- Tham dự các buổi học trong suốt quá trình học phần này.
- Tham dự thi kết thúc học phần.

Yêu cầu đối với SV	Phải thực hiện theo đúng quy định của trường.
Quy định về tham dự lớp học	- SV có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học. Trừ trường hợp gia đình có đám cưới, đám tang hoặc nằm viện có giấy ra viện. - Vắng buổi thứ 2 sẽ bị trừ 50% điểm chuyên cần; vắng buổi thứ 3 trừ 100% điểm chuyên cần. Vắng buổi thứ 4 thì bị hủy toàn bộ điểm quá trình. - Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập tự học và được đánh giá kết quả thực hiện. - Tham dự kiểm tra suốt quá trình học phần lấy điểm tích lũy - Tham dự thi kết thúc học phần.
Quy định về hành vi trong lớp học	- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm. - SV phải đi học đúng giờ quy định. SV đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học. - Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyệt đối không ăn, uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học. - SV vi phạm các nguyên tắc trên sẽ bị mời ra khỏi lớp và bị coi là vắng buổi học đó.
Quy định về học vụ	Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu, xin học trả nợ môn, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật thi cử được thực hiện theo quy chế học vụ của trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Tp.HCM.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

8.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Mục tiêu
1	Điểm chuyên cần	Số tiết tham dự học/tổng số tiết	10%	4.3.1; 4.3.3
2	Điểm bài tập	- Là điểm tổng các bài tập trên lớp và ở nhà, online theo yêu cầu của GV	20%	4.1.1; 4.1.2; 4.1.3; 4.1.4; 4.1.5; 4.1.6 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3; 4.2.4; 4.3.2
3	Điểm kiểm tra quá trình	- Là điểm tổng các bài tập phần tự học theo yêu cầu của GV - Điểm bài kiểm tra quá trình trên lớp	20%	4.1.1; 4.1.2; 4.1.3; 4.1.4; 4.1.5; 4.1.6 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3; 4.2.4; 4.3.2
4	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi vấn đáp - 2 SV / 7-10 phút / lượt thi - Nói theo chủ đề tình huống, sử dụng thuật ngữ chuyên ngành kinh thương - Bắt buộc dự thi	50%	4.1.1; 4.1.2; 4.1.3; 4.1.4; 4.1.5; 4.1.6 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3; 4.2.4; 4.3.2

8.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 0.5.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân.

9. Tài liệu học tập:

9.1. Giáo trình chính:

[1] **GIÁO TRÌNH TỔNG HỢP TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI CAO CẤP (QUYỂN 1)**

Lý Hiểu Kỳ chủ biên, NXB Đại học Bắc Kinh xuất bản, năm 2012

高级商务汉语综合教程（第一册），李晓琪主编，北京大学出版社出版 2012 年

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2] **GIÁO TRÌNH 30 BÀI KHẨU NGỮ TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**

Châu Hồng chủ biên, NXB Học Lâm, bản in năm 2012

商务汉语写作（上册），周红主编，学林出版社，2011年

[3] **GIÁO TRÌNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**

Trương Thái Bình chủ biên, NXB Đại học Bắc Kinh, năm 2000

国际商务汉语教程，张泰平主编，北京大学出版社出版，2000年

[5] **Web-Blog và tài liệu nội bộ hỗ trợ tiếng Hoa online của GV**

+ www.tuandtcn.weebly.com

+ www.tuandtcn.blogspot.com

+ www.facebook.com/tuandtcn.chinese / www.facebook.com/tuandtcn.class

10. Hướng dẫn sinh viên tự học:

Tuần /Buổi	Nội dung	Lý thuyết Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Nhiệm vụ của sinh viên
1 2	第一课 —— 欢迎宴会 Quy tắc về tiếng Trung chuyên ngành kinh thương 在宴会上 在宴会上的欢迎辞 学一学 / 练一练	4	8	- Tự tổng hợp nội dung, tự phân tích - Tự chuẩn bị từ vựng và nắm vững các mẫu câu thường dùng - Làm các bài tập theo yêu cầu của GV
3 4 5	第二课 —— 商务考察 在工业园区 市场调查 投资环境 学一学 / 练一练	6	12	- Tự tổng hợp nội dung, tự phân tích - Tự chuẩn bị từ vựng và nắm vững các mẫu câu thường dùng - Làm các bài tập theo yêu cầu của GV
6 7 8	第三课 —— 贸易谈判 报价 价格谈判 签订合同 学一学 / 练一练	6	12	- Tự tổng hợp nội dung, tự phân tích - Tự chuẩn bị từ vựng và nắm vững các mẫu câu thường dùng - Làm các bài tập theo yêu cầu của GV
9	复习 期间口试	2	4	- Ôn tập các bài - Thực hiện bài kiểm tra quá trình
10 11 12	第四课 —— 运输保险 货物包装 货物运输 财产保险 学一学 / 练一练	6	12	- Tự tổng hợp nội dung, tự phân tích - Tự chuẩn bị từ vựng và nắm vững các mẫu câu thường dùng - Làm các bài tập theo yêu cầu của GV
13 14	第六课 —— 海关商检 在海关 商检 学一学 / 练一练	4	8	- Tự tổng hợp nội dung, tự phân tích - Tự chuẩn bị từ vựng và nắm vững các mẫu câu thường dùng - Làm các bài tập theo yêu cầu của GV
15	Sửa bài tập quy định và tự học	2	4	- Ôn tập các bài đã học - Thực hiện bài kiểm tra quá trình

*** Phần tự học quy định (được thể hiện trong nội dung đề thi cuối kỳ)**

Phần	Nội dung	Giáo trình Tài liệu	Nội dung cụ thể & Yêu cầu tự học
1	欢迎	[2] 1-9	- Tự học và nắm vững phần từ vựng, mẫu câu - Tự tổng hợp nội dung, tự phân tích - Làm bài tập theo quy định trong giáo trình (có tính điểm quá trình & được thể hiện trong nội dung đề thi cuối kỳ)
	会见	[2] 13-23	
	博览会	[2] 28-37	
2	价格	[2] 55-64; [2] 70-78	
		[3] 1-12; [3] 13-22	
3	交货及运输	[2] 84-92; [2] 138-146 [3] 71-81; [3] 82-89	
4	包装	[2] 124-133 ; [3] 60-70	
5	支付	[2] 97-106 ; [2] 111-119	
		[3] 50-59	
6	保险	[2] 152-161; [3] 111-122	

Ngày... tháng.... Năm 201

Trưởng khoa
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày... tháng.... Năm 201

Trưởng Bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày... tháng.... Năm 201

Người biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Đình Tuấn

Ngày... tháng.... Năm 201

Ban giám hiệu